

Số: 155/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng**  
**Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ**  
**ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Mở Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Mở Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Mở Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Mở Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



  
**Đình Văn Toàn**

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 155/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3.67	2	66.67%	<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4.00	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4						
		Tiêu chí 7.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3.67	2	66.67%	<b>Tiêu chuẩn 8</b>		3.80	4	80%
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.3	4						
		Tiêu chí 8.4	3						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3.67	2	66.67%	<b>Tiêu chuẩn 9</b>		4.00	5	100%
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 9.3	4						
		Tiêu chí 9.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		3.67	2	66.67%	<b>Tiêu chuẩn 10</b>		4.00	6	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 10.3	4						
		Tiêu chí 10.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		3.80	4	80%	<b>Tiêu chuẩn 11</b>		3.80	4	80%
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 11.1	3			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 5.4	4								
Tiêu chí 5.5	4								
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		4.00	7	100%	Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 11.5	4			
Tiêu chí 6.2	4								
Tiêu chí 6.3	4								
Tiêu chí 6.4	4								
Tiêu chí 6.5	4								
Tiêu chí 6.6	4								
Tiêu chí 6.7	4								
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>		<b>Số tiêu chí đạt</b>			<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt</b>				
		43			86%				



**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 155/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế (CTĐT) của Trường Đại học Mở Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu CTĐT được rà soát, điều chỉnh phù hợp với mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. CTĐT được xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật với sự tham khảo ý kiến các bên liên quan, đã xác định cụ thể các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm và được công bố công khai tới các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin cơ bản, được cập nhật; các đề cương học phần được xây dựng thống nhất về hình thức, đầy đủ những thông tin cơ bản, thể hiện được các hình thức dạy - học, dễ tiếp cận. Chương trình dạy học có tham khảo, đối sánh trong nước và nước ngoài, được thiết kế bám sát tiếp cận theo chuẩn đầu ra; các học phần có sự liên thông, đảm bảo sự kết nối và gắn kết giữa các khối kiến thức. Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố chính thức và được phổ biến. Các hình thức dạy và học và phương pháp giảng dạy khơi dậy sự tích cực, chủ động, tăng cường khả năng tự xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, chú trọng cung cấp cho người học phương pháp tư duy pháp lý và những kỹ năng phân tích pháp luật. Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập được quy định rõ ràng, ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng hướng tới đáp ứng chuẩn đầu ra. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm; kết quả thực hiện giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật. Hệ thống giám sát tiến độ học tập và kết quả học tập khá đa dạng và thực hiện hiệu quả. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng được đầu tư, nâng cấp; phòng thực hành và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, giám sát. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm và đạt kết quả khích lệ; Nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và



đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT thể hiện rõ hơn tính chất “mở” và liên ngành; khảo sát, điều tra, đánh giá, dự báo khách quan về xu hướng nhu cầu xã hội; khai thác lợi thế liên ngành giữa đào tạo lĩnh vực luật và một số lĩnh vực đào tạo khác hướng tới đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực tích hợp được các kiến thức, kỹ năng đa dạng và đặc thù; chuẩn đầu ra thể hiện rõ hơn về kiến thức thực tế, bổ sung kỹ năng chuyên biệt, đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, phù hợp với thang nhận thức Bloom.

2. Rà soát, bổ sung một số thông tin còn thiếu, vị trí việc làm đặc thù, những nội dung mới liên quan đến ngành Luật kinh tế, lưu ý sử dụng kết quả phân tích đối sánh, tham chiếu CTĐT trong nước và nước ngoài; diễn đạt lại chuẩn đầu ra và chỉnh sửa lại tên của các học phần, thể rõ mối quan hệ giữa các thang đánh giá chuẩn đầu ra của học phần với các hình thức kiểm tra đánh giá cụ thể, bổ sung tài liệu tham khảo phù hợp; đa dạng hơn các hình thức phổ biến bản mô tả CTĐT.

3. Rà soát chương trình dạy học, lược bớt những học phần không thể hiện rõ sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra của CTĐT, đồng thời bổ sung một số học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành về kinh tế, kinh doanh, thương mại, các kỹ năng chuyên biệt; rà soát, chỉnh sửa tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với tính chất của từng loại học phần; thiết kế thêm các nội dung và hoạt động dạy và học nhằm tăng cường các kỹ năng mềm hướng tới đạt được các chuẩn đầu ra về kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm; tăng cường các kiến thức, kỹ năng tiếng Anh pháp lý.

4. Đa dạng các hình thức phổ biến và thực hiện triết lý giáo dục gắn với triển khai các hoạt động chuyên môn và hoạt động cộng đồng; đa dạng hơn các hoạt động dạy và học đặc biệt các học phần liên quan đến thực hành, thể hiện rõ các hoạt động dạy và học thông qua hệ thống LMS; bổ sung những hình thức dạy và học phù hợp với tính chất định hướng ứng dụng của CTĐT; chú trọng phân bổ thời lượng trên lớp dành các hoạt động nghiên cứu, bình luận, đánh giá các tình huống thực tiễn; tăng cường các hoạt động giảng dạy nhằm tăng cường tư duy phản biện cũng như các kỹ năng độc lập dẫn dắt và giải quyết vấn đề chuyên môn cũng như hoạt động liên quan rèn luyện kỹ năng mềm.

5. Bổ sung các hình thức kiểm tra đánh giá chuyên biệt phù hợp với từng học phần, rà soát các tiêu chí đánh giá luận văn tốt nghiệp phù hợp hơn; xác định rõ các phương thức kiểm tra đánh giá đối với những nội dung tự học, giám sát đối với kết quả tự học bắt buộc trong các học phần; xác định tổ hợp công cụ đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm một cách rõ ràng; bám sát hơn các thang đánh giá theo từng chuẩn đầu ra của từng học phần và thể hiện độ phân hóa cao trong đánh giá thường xuyên; tăng cường áp dụng những hình thức vấn đáp, bài tập nhóm, bài




tập lớn; rà soát lại sự tương thích của đề thi, đáp án câu hỏi thi với yêu cầu mức độ đạt được chuẩn đầu ra của một số học phần.

6. Có chính sách tuyển dụng, đãi ngộ và đào tạo phù hợp để sớm có đội ngũ cán bộ đầu ngành và giảng viên trình độ cao đúng ngành đào tạo; có cơ chế khuyến khích giảng viên trẻ trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế và giao lưu, hợp tác đối tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; quy định cụ thể quy đổi khối lượng công việc của giảng viên, đặc biệt ở các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên để cải tiến đánh giá và ghi nhận, đãi ngộ; có cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích, thúc đẩy cán bộ, giảng viên, nhất là giảng viên trẻ tích cực nghiên cứu, phát triển công nghệ và tăng công bố khoa học.

7. Rà soát quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp tầm nhìn, chiến lược phát triển các giai đoạn và lĩnh vực hoạt động; có chính sách ưu đãi để tuyển dụng đội ngũ nhân viên có năng lực theo vị trí công việc; nghiên cứu xây dựng hệ thống KPIs và đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ gắn với đãi ngộ; đánh giá, đào tạo theo tiếp cận năng lực của vị trí công việc và tăng cường ứng dụng công nghệ để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, hỗ trợ CTĐT.

8. Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực và phân tích, dự báo để điều chỉnh chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh; phân tích, đối sánh kết quả học tập của học viên tuyển từ các ngành gần để đánh giá mức độ phù hợp, độ tin cậy của các tiêu chí tuyển sinh từ đó có biện pháp cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp; tiếp tục đa dạng hóa và đổi mới phương thức truyền thông về CTĐT; tăng cường phối hợp với các nhà sử dụng lao động và đẩy mạnh truyền thông nội bộ để tăng nguồn đầu vào từ người học tốt nghiệp đại học; rà soát quy trình, thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu về sự tiến bộ của học viên để có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ giảm tỉ lệ thôi học; đầu tư hơn nữa cho hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm thu hút nhiều học viên tham gia, tăng cường kỹ năng nghiên cứu và công bố khoa học cho học viên.

9. Nghiên cứu, có phương án sắp xếp để bố trí chỗ làm việc riêng biệt cho giảng viên đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học; tiếp tục đầu tư phát triển Thư viện để đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn thư viện của cơ sở giáo dục đại học; tăng cường nguồn học liệu bao gồm cả cơ sở dữ liệu điện tử và tài liệu bằng tiếng nước ngoài phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; đầu tư, nâng cấp phòng thực hành, thí nghiệm cho các học phần chuyên ngành của CTĐT; quan tâm chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo, tiếp tục nâng cấp hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm; khuyến khích giảng viên và người học sử dụng LMS để tổ chức giảng dạy kết hợp; rà soát, cập nhật các văn bản, quy trình về công tác vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong các khuôn viên. 



10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, cách thức thiết kế chuẩn đầu ra, nội dung chương trình dạy học, các phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra; khẩn trương xây dựng bộ công cụ và kế hoạch thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và đánh giá chuẩn đầu ra các học phần theo quy định để cải tiến chất lượng CTĐT; nghiên cứu áp dụng các công cụ thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để phục vụ đánh giá, cải tiến quá trình dạy học và các phương pháp kiểm tra đánh giá; tiếp tục rà soát, đánh giá một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan và chuẩn hoá các công cụ khảo sát đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Khảo sát các nhà tuyển dụng thường xuyên và kết hợp thu thập dữ liệu phục vụ mục đích đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học tốt nghiệp để cải tiến; quan tâm khảo sát thông tin về việc làm và cơ hội phát triển của cựu người học; đưa chỉ số về kết quả đầu ra thành các chỉ số thực hiện chính KPIs để giám sát, cải tiến thường xuyên chất lượng CTĐT; áp dụng phương thức đào tạo cá thể hóa, dạy học (hoặc tự học) qua mạng để phù hợp với nhu cầu đào tạo trong kỷ nguyên mới.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. ✓



-----